VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về đào tạo thẩm tra viên và quản lý chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

Thông tư số 29/2017/TT-BGTVT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo thẩm tra viên và quản lý chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ An toàn giao thông và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đào tạo thẩm tra viên và quản lý chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đào tạo thẩm tra viên và quản lý chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo thẩm tra viên và quản lý chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Chương II
ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình và tài liệu giảng dạy bảo đảm cho học viên

a) Nắm được quy định của Luật giao thông đường bộ và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến an toàn giao thông, thẩm tra an toàn giao thông đường bộ;

b) Nắm được quy định, yêu cầu của các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến an toàn giao thông đường bộ;

---

[1] Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ."

c) Nắm được trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ;

d) Kỹ năng nghiên cứu, phân tích tài liệu, tiến hành kiểm tra hiện trường;

đ) Kỹ năng lập báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

2. Chương trình khung đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Tài liệu giảng dạy

1. Tài liệu giảng dạy do cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ biên soạn.

2. Tài liệu giảng dạy phải đảm bảo các yêu cầu và nội dung quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

Điều 5. Tổ chức đào tạo

1. Tuyển sinh

a) Cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là Cơ sở kinh doanh đào tạo) thông báo tuyển sinh, yêu cầu đối với học viên, dự kiến kế hoạch, thời gian, địa điểm đào tạo của khóa học, kinh phí và các thông tin cần thiết khác;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký học tại Cơ sở kinh doanh đào tạo; hồ sơ đăng ký học của học viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Cơ sở kinh doanh đào tạo tiếp nhận và rà soát hồ sơ; bảo đảm học viên đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12c của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016).

2. Hồ sơ đăng ký học của học viên bao gồm:

a) Đơn đăng ký học theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 02 (hai) ảnh màu cỡ (4x6) cm, nền màu xanh; kiểu thẻ căn cước, chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học, hoặc sau đại học;

d) Bản khai kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đường bộ, có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp học viên theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tổ chức đào tạo

a) Cơ sở kinh doanh đào tạo lập kế hoạch đào tạo và danh sách học viên, thông báo cho Cục Đường bộ Việt Nam[2] và học viên biết trước khi mở lớp tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc;

b) Cơ sở kinh doanh đào tạo tiếp nhận học viên, bố trí lớp học (mỗi lớp không quá 45 học viên);

c) Cơ sở kinh doanh đào tạo tổ chức đào tạo theo chương trình khung và kế hoạch đào tạo đã thông báo.

Điều 6. Tổ chức thi

1. Cơ sở kinh doanh đào tạo thành lập Hội đồng thi có tối thiểu 05 người, bao gồm:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng thi là Lãnh đạo Cơ sở kinh doanh đào tạo;

b) Ủy viên Hội đồng thi là cán bộ, giảng viên của Cơ sở kinh doanh đào tạo; số lượng ủy viên phụ thuộc vào số phòng thi (mỗi phòng thi có 02 cán bộ coi thi);

c) Hội đồng thi tự giải thể sau khi Cục Đường bộ Việt Nam[3] cấp chứng chỉ cho học viên theo quy định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng thi

a) Chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan đến quá trình tổ chức thi;

b) Tổ chức ra đề, bảo mật đề thi;

---

[2] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bởi cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại khoản 1, Điều 12 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[3] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bởi cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại khoản 1, Điều 12 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

c) Kiểm tra, xác định danh sách học viên đủ điều kiện dự thi;

d) Tổ chức thi, bảo mật bài thi, số phách; chấm thi và báo cáo kết quả thi.

3. Điều kiện dự thi và công nhận kết quả thi

a) Học viên được dự thi khi tham dự trên 80% thời lượng của khóa học;

b) Học viên được công nhận kết quả thi đạt yêu cầu, khi có kết quả thi từ 60/100 điểm trở lên;

c) Cơ sở kinh doanh đào tạo ra quyết định công nhận kết quả thi.

Điều 7. Lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ

1. Cơ sở kinh doanh đào tạo lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ, gửi Cục Đường bộ Việt Nam[4] trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày thi.

2. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 12d của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016).

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Tổ chức đào tạo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Bố trí giảng viên có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác phù hợp với chuyên đề giảng dạy và bảo đảm đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 12c của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016).

3. Tổ chức thi và lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này.

---

[4] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bởi cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại khoản 1, Điều 12 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

4. Duy trì, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng đào tạo thẩm tra viên.

5. Thu và sử dụng học phí đào tạo theo quy định hiện hành.

6. Lập và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

7. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền.

8. Báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam[5] trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, về công tác đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ của năm trước.

Điều 9. Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam[6]

1. Quản lý đào tạo

a) Thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ đối với Cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

b) Lưu trữ việc chấp thuận, cấp lại, thu hồi giấy chấp thuận Cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

c) Công khai danh sách Cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam[7].

2. Quản lý chứng chỉ

a) In và quản lý phôi chứng chỉ;

b) Lưu trữ việc cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

---

[5] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bởi cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại khoản 1, Điều 12 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[6] Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 12 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[7] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bởi cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại khoản 1, Điều 12 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

c) Công khai danh sách thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được cấp chứng chỉ trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam[8].

Điều 10. Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Bảo quản và sử dụng chứng chỉ đúng mục đích.

2. Thực hiện việc cấp đổi, cấp lại chứng chỉ đúng quy định.

3. Xuất trình chứng chỉ và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[9]

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017 và thay thế Thông tư số 16/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp và quản lý chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ, được dẫn chiếu trong Thông tư này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

---

[8] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bởi cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại khoản 1, Điều 12 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[9] Điều 20 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 quy định như sau:

"Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường Cao tốc Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

Khóa học có kế hoạch đào tạo đã được thông báo cho Cục Đường bộ Việt Nam[10] và học viên trước ngày Thông tư này có hiệu lực, được tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 16/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 5 năm 2012.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam[11], Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 15/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2023

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ

---

[10] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bởi cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại khoản 1, Điều 12 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[11] Cụm từ "Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bởi cụm từ "Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại khoản 3, Điều 12 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BGTVT ngày...../..../2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

I. Thời gian đào tạo: bao gồm 70 tiết (07 ngày), trong đó:

1. Giảng dạy lý thuyết: 55 tiết.

2. Bài tập tình huống, đi thăm hiện trường, giải đáp thắc mắc và tổ chức thi: 15 tiết.

II. Chương trình khung:

STT	Nội dung		Số tiết
Học phần I - Giới thiệu về chương trình và cơ sở kinh doanh đào tạo			
1	Chuyên đề 1	**Giới thiệu** 1.1. Khái quát. 1.2. Giới thiệu chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ. 1.2.1. Mục đích - yêu cầu. 1.2.2. Nội dung chương trình đào tạo. 1.3. Giới thiệu cơ sở kinh doanh đào tạo.	02
Học phần II - Khái quát về an toàn giao thông và thẩm định, thẩm tra an toàn giao thông đường bộ			
2	Chuyên đề 2	**Sự cần thiết và mục đích của thẩm định an toàn giao thông đường bộ** 2.1. Khái quát về tai nạn giao thông đường bộ, an toàn giao thông đường bộ. 2.2. Khái niệm về thẩm định, thẩm tra an toàn giao thông đường bộ. 2.3. Sự cần thiết và mục đích của thẩm định an toàn giao thông đường bộ. 2.4. Sự cần thiết đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.	03

STT	Nội dung		Số tiết
3	Chuyên đề 3	**Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thẩm định an toàn giao thông đường bộ** 3.1. Danh mục các văn bản. 3.2. Nội dung cơ bản của một số văn bản quan trọng.	02
4	Chuyên đề 4	**Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật trong thẩm tra an toàn giao thông đường bộ** 4.1. Danh mục các quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật. 4.2. Nội dung cơ bản một số quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật quan trọng.	02
5	Chuyên đề 5	**Yêu cầu đối với Thẩm tra viên, Chủ nhiệm thẩm tra và Nhà thầu tư vấn thực hiện thẩm tra an toàn giao thông đường bộ** 5.1. Yêu cầu về năng lực của cá nhân tham gia thẩm tra an toàn giao thông đường bộ. 5.2. Yêu cầu về năng lực của Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ. 5.3. Yêu cầu đối với Nhà thầu tư vấn thực hiện thẩm tra an toàn giao thông.	01
Học phần III - Kỹ thuật đường bộ và các yếu tố liên quan đến an toàn giao thông			
6	Chuyên đề 6	**Yêu cầu về chất lượng đường và các yếu tố liên quan đến an toàn giao thông đường bộ** 6.1. Yêu cầu của phương tiện đối với kỹ thuật đường bộ và các yêu cầu chung của đường bộ. 6.2. Chất lượng khai thác - giao thông của đường bộ. 6.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ. 6.4. Khái quát về quan hệ “Phương tiện - Người lái - Đường - Môi trường xung quanh”.	02

STT	Nội dung		Số tiết
7	Chuyên đề 7	**Yếu tố phương tiện trong bảo đảm an toàn giao thông đường bộ** *(Người học tự tìm hiểu: so sánh giữa các thế hệ xe và loại xe; sự cố phương tiện và khả năng đảm bảo an toàn khi vận hành trên đường giao thông).*	00
8	Chuyên đề 8	**Người điều khiển phương tiện và người tham gia giao thông đường bộ** 8.1. Khái quát về người điều khiển phương tiện và người tham gia giao thông trên đường bộ. 8.2. Con người - Yếu tố chính ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ. 8.3. Người tham gia giao thông trong quan hệ "Phương tiện - Người điều khiển phương tiện - Đường bộ - Môi trường xung quanh".	01
9	Chuyên đề 9	**Bảo đảm an toàn giao thông trong quy hoạch giao thông đường bộ** 9.1. Khái quát về quy hoạch giao thông. 9.1.1. Khái niệm, mục đích và phương pháp tiếp cận. 9.1.2. Sự gắn kết quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông. 9.2. Bảo đảm an toàn giao thông đường bộ trong quy hoạch. 9.2.1. Tác dụng của quy hoạch trong ngăn ngừa tai nạn giao thông. 9.2.2. Một số giải pháp quy hoạch cụ thể hướng đến an toàn giao thông.	02
10	Chuyên đề 10	**Ảnh hưởng của quy hoạch các yếu tố hình học tuyến đến an toàn giao thông đường bộ** 10.1. Yếu tố hình học trong bảo đảm an toàn giao thông.	04

STT	Nội dung		Số tiết
		10.2. Phát hiện các nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông trong yếu tố hình học của tuyến. 10.3. Một số vấn đề liên quan giữa tầm nhìn và đảm bảo an toàn giao thông.	
11	Chuyên đề 11	**Ảnh hưởng của chiều cao mặt đường và quy mô mặt cắt ngang đường đến an toàn giao thông** 11.1. Ảnh hưởng của chiều cao mặt đường đến an toàn giao thông. 11.2. Ảnh hưởng của chiều rộng làn xe và nền đường đến an toàn giao thông. 11.3. Ảnh hưởng của hành lang đường bộ đến an toàn giao thông. 11.4. Ảnh hưởng của chiều cao tĩnh không đường đến an toàn giao thông.	02
12	Chuyên đề 12	**An toàn giao thông trong nút giao** 12.1. Khái quát về nút giao thông. 12.1.1. Khái niệm và phân loại nút giao thông. 12.1.2. Tai nạn giao thông tại nút giao và các phương pháp đánh giá tai nạn giao thông - tiềm ẩn xung đột giao thông trong nút giao. 12.2. Bảo đảm an toàn giao thông trong nút giao cùng mức. 12.3. Bảo đảm an toàn giao thông trong nút giao vòng xuyến. 12.4. Bảo đảm an toàn giao thông trong nút giao khác mức. 12.5. Bảo đảm an toàn giao thông trong nút giao với đường sắt. *(Giải pháp cấu tạo nút giao; giải pháp tổ chức giao thông an toàn trong nút giao)*	03

STT	Nội dung		Số tiết
13	Chuyên đề 13	**Ảnh hưởng của chất lượng mặt đường và các công trình trên đường đến an toàn giao thông đường bộ** 13.1. Ảnh hưởng của chất lượng mặt đường đến an toàn giao thông. 13.2. Ảnh hưởng của chất lượng các công trình cầu và cống đến an toàn giao thông. 13.3. Đảm bảo an toàn giao thông trong hầm đường bộ. 13.4. Ảnh hưởng của công trình phòng hộ đến an toàn giao thông.	03
14	Chuyên đề 14	**Ảnh hưởng của tổ chức giao thông đến an toàn giao thông đường bộ** 14.1. Sự tường minh của tổ chức giao thông trên đường bộ. 14.2. Sự không phù hợp của biển báo hiệu đường bộ. 14.3. Sự không phù hợp của sơn kẻ vạch trên mặt đường. 14.4. Sự không phù hợp của các hạng mục tổ chức giao thông khác.	03
Học phần IV - Kỹ thuật an toàn giao thông và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ			
15	Chuyên đề 15	**Dữ liệu tai nạn giao thông đường bộ - phương pháp phân tích và đánh giá** 15.1. Đặc điểm, tính chất và phân loại tai nạn giao thông đường bộ. 15.2. Thống kê tai nạn giao thông đường bộ. 15.3. Phân tích và đánh giá dữ liệu tai nạn giao thông đường bộ.	05

STT	Nội dung		Số tiết
16	Chuyên đề 16	**Kỹ thuật an toàn giao thông đường bộ - phương pháp tiếp cận** 16.1. Khái quát về kỹ thuật an toàn giao thông đường bộ. 16.2. Các phương pháp tiếp cận nghiên cứu an toàn giao thông đường bộ. 16.3. Các phương pháp và chỉ số đánh giá mức độ an toàn giao thông đường bộ.	05
17	Chuyên đề 17	**Xác suất sự cố giao thông đường bộ do đường và môi trường gây ra** (*Phương pháp hệ số sự cố tổng hợp*) 17.1. Khái quát chung. 17.2. Xác định các hệ số sự cố tai nạn riêng. 17.3. Xác định hệ số sự cố tổng hợp và mức độ nguy hiểm của đường bộ.	01
18	Chuyên đề 18	**Vận dụng kỹ thuật an toàn giao thông trong thẩm tra an toàn giao thông đường bộ** 18.1. Khái quát chung. 18.2. Phương pháp thẩm tra an toàn giao thông đường bộ. 18.2. Một số nguyên tắc thiết kế trong đảm bảo an toàn giao thông đường bộ. 18.3. Vận dụng kỹ thuật an toàn giao thông trong thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.	02
19	Chuyên đề 19	**Phát hiện và xử lý điểm đen tai nạn giao thông** 19.1. Khái niệm điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và điểm đen. 19.2. Phát hiện điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông (*trên hồ sơ thiết kế và trên đường đang khai thác*). 19.3. Xác định điểm đen tai nạn giao thông trên đường đang khai thác. 19.4. Các biện pháp xử lý điểm đen.	02

STT	Nội dung		Số tiết
Học phần V - Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông đường bộ			
20	Chuyên đề 20	**Xác định dự án thẩm định an toàn giao thông đường bộ** 20.1. Các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông. 20.2. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông. 20.3. Căn cứ làm cơ sở thẩm định an toàn giao thông. 20.4. Trình tự thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông.	01
21	Chuyên đề 21	**Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình** 21.1. Giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình. 21.2. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ. 21.3. Danh mục các hạng mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ.	01
22	Chuyên đề 22	**Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 bước và 2 bước) và trong quá trình xây dựng** 22.1. Giai đoạn thiết kế kỹ thuật, giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công và trong quá trình xây dựng. 22.2. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ. 22.3. Danh mục các hạng mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ.	02

STT	Nội dung		Số tiết
23	Chuyên đề 23	**Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa công trình đường bộ vào khai thác** 23.1. Điều kiện của công trình đường bộ trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác. 23.2. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ. 23.3. Danh mục các hạng mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ.	01
24	Chuyên đề 24	**Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác** 24.1. Công trình đường bộ đang khai thác. 24.2. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ. 24.3. Danh mục các hạng mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ.	02
25	Chuyên đề 25	**Lập báo cáo thẩm tra an toàn giao thông đường bộ. Thí dụ về thẩm tra ATGT đường bộ**	03
26	Chuyên đề 26	**Đi thực tế hiện trường - Bài tập tình huống**	05
27	Chuyên đề 27	**Bảo vệ bài tập tình huống. Giải đáp thắc mắc và thảo luận.**	05
Tổ chức thi			05
TỔNG CỘNG			70 tiết

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BGTVT ngày...../...../2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Ảnh màu 4 x 6 cm (kiểu thẻ căn cước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi (*Cơ sở kinh doanh đào tạo*).....

1. Họ và tên:.....

2. Sinh ngày:..... tháng..... năm.....

3. Nơi sinh:.....

4. Quốc tịch:.....

5. Số chứng minh nhân dân, thẻ căn cước (hoặc số hộ chiếu):.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

6. Địa chỉ thường trú:.....

.....

7. Trình độ chuyên môn:.....

Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:.....

.....

8. Chức vụ:.....; địa chỉ cơ quan, đơn vị công tác:.....; khi cần liên hệ: số điện thoại cá nhân....., Email.....

9. Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- Số công trình đường bộ đã chủ trì thiết kế:..... công trình.

- Thời gian làm việc về thiết kế công trình đường bộ:..... năm.

- Tổng thời gian công tác, làm việc về quản lý giao thông, vận tải đường bộ, xây dựng đường bộ, bảo trì đường bộ:..... năm; trong đó:

+ Thời gian công tác, làm việc về quản lý giao thông:..... năm;

+ Thời gian công tác, làm việc về vận tải đường bộ:..... năm;

+ Thời gian công tác, làm việc về xây dựng đường bộ:..... năm;

+ Thời gian công tác, làm việc về bảo trì đường bộ:..... năm.

10. Tình trạng sức khỏe (*có đủ sức khỏe để học tập, làm việc hay không*):.....

Tôi đề nghị được tham gia khóa học cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung khai trên và cam kết chấp hành mọi quy định của khóa học./.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Ảnh dán tại Đơn này cũng là ảnh nộp trong Hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BGTVT ngày...../...../2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC
TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC
TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Họ và tên:.....;

Chức vụ:.....;

Khi cần liên hệ: điện thoại cá nhân.....; Email.....

2. Quá trình hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đường bộ (khai rõ thời gian, đơn vị công tác, công việc đã thực hiện):

STT	Thời gian	Đơn vị công tác	Nội dung công việc hoạt động (*thiết kế công trình đường bộ; quản lý giao thông đường bộ, vận tải đường bộ, xây dựng đường bộ, bảo trì đường bộ*)

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản tự khai này.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác
(Ký tên và đóng dấu)

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)